

NGHỊ QUYẾT

**Về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 7001/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 162/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới hoặc đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012 thực hiện đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Những nội dung về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư không nêu tại Chương II Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trường hợp cùng một nội dung, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thì không được hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

4. Dự án nhận hỗ trợ kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 4 thì không được nhận hỗ trợ tại điểm b khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này và ngược lại.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng vùng tích tụ, tập trung đất đai

Hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư về giao thông nội đồng, thủy lợi, các **kết cấu hạ tầng khác và trang thiết bị phục vụ sản xuất** trong khu vực được tích tụ, tập trung đất đai nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án đối với các dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp tập trung (trồng các loại rau, củ, quả, dược liệu, nuôi trồng thủy sản) có hợp đồng liên kết sản xuất giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với doanh nghiệp và qui mô diện tích từ 05 ha trở lên.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, áp dụng công nghệ tiên tiến, có hệ thống quản lý chất thải rắn và lỏng theo đúng quy định được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (lợn, dê) tập trung

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn từ 1.000 con hoặc dê từ 500 con trở lên, phù hợp quy hoạch chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung được UBND tỉnh phê duyệt hoặc phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định (đối với lợn, yêu cầu xây dựng hệ thống chuồng kín, công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, có hầm biogas; đối với dê, yêu cầu có chuồng trại phù hợp, có công nghệ xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường) được nhà nước hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải trong hàng rào dự án.

Điều 7. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư trồng các loại cây dược liệu được hỗ trợ như sau:

a) Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên, hỗ trợ 25 triệu đồng/ha chi phí cây giống, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

b) Dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên, ngoài hỗ trợ chi phí giống được hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong **hàng rào** dự án.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất giống sâm Ngọc Linh có quy mô từ 50 ngàn cây giống sâm Ngọc Linh/năm trở lên được hỗ trợ 80% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, lập vườn giống gốc **trong hàng rào dự án** nhưng không quá 08 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư sản xuất rau, củ, quả, nấm an toàn theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP)

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất rau, củ, quả, nấm an toàn theo hướng nông nghiệp hữu cơ hoặc thực hành nông nghiệp tốt (GAP) ứng dụng công nghệ cao, có quy mô diện tích tập trung từ 03 ha đất canh tác trở lên, hoặc 2.000m² trở lên đối với diện tích nhà trồng cây (nhà kính, nhà lưới) xây kiên cố và từ 300 m² trở lên đối với diện tích nhà trồng nấm được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ một lần, tối đa 50 triệu đồng/ha để thuê tổ chức đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn **nông nghiệp** hữu cơ, GAP.

2. Hỗ trợ 60% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư khai hoang, xây dựng giao thông, điện, xử lý chất thải, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

3. Hỗ trợ 30 triệu đồng/ha trong năm đầu tiên để chuyển đổi từ sản xuất khác sang sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Chương III

NGUỒN VỐN, CƠ CHẾ HỖ TRỢ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 9. Nguồn vốn hỗ trợ

Hàng năm, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 25 tỷ đồng để thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Cơ chế hỗ trợ sau đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

1. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 và 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa có trong Quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhưng phù hợp với quy định của Nghị quyết này thì vẫn được hỗ trợ. Đồng thời, Sở Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai đối với các dự án nằm trong Khu Kinh tế mở Chu Lai) tham mưu UBND tỉnh bổ sung vào danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Điều 12. Lựa chọn hình thức thực hiện dự án để được hỗ trợ

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lựa chọn một trong hai hình thức thực hiện sau:

a) Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Nội dung hỗ trợ phải được UBND tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế, tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

b) Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định hiện hành của Nhà nước; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thanh toán theo định mức hỗ trợ do UBND tỉnh quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Không áp dụng hỗ trợ đầu tư theo quy định này đối với những dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đang thực hiện được hưởng các cơ chế hỗ trợ theo Quyết định 12/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2016 - 2020 thì vẫn tiếp tục được hưởng ưu đãi theo Quyết định

12/2016/QĐ-UBND hoặc được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của dự án theo Nghị quyết này.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện hỗ trợ tại Nghị quyết này nếu đã triển khai dự án sau ngày Quyết định 12/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hỗ trợ thì được hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án theo Nghị quyết này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Các Bộ: TC, NN&PTNT;
- Ban CTĐB-UBND;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp ;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo QNam, Đài PT-TH QNam;
- CPVP, CV;
- Lưu VT, TH (Huy).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang